

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày: 06 - 3 - 2018

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng cầm cố và yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ dân sự.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Út.

Ông Phan văn Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là thư ký Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 380/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng cầm cố và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-ST ngày 12/2/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1973.

Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Phan Tấn Ph**, sinh năm 1967.

Chị Trương Thị Ch, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T.

Ông Trương Văn Tr, sinh năm 1929.

Địa chỉ: Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1932.

2. Anh **Trương Văn L**, sinh năm 1979.

3. Chị **Trương Thị T**, sinh năm 1985.
4. Chị **Đào Thị Ng**, sinh năm 1989.
5. Cháu **Trương Đào Tường L1**, sinh năm 2009.
6. Cháu **Trương Đào Như L2**, sinh năm 2011.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật cho Tường L1 và Như L2 có anh Trương Văn L và Đào Thị Ng (là cha mẹ ruột)

(Anh M, chị U, anh Ph, chị Ch có mặt; ông Tr, bà N, anh L, chị Ng, chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U trình bày: Vào ngày 19/4/2014 anh M và chị U có lập hợp đồng cầm cố đất giấy tay với vợ chồng anh Phan Tấn Ph và chị Trương Thị Ch. Phần đất có diện tích ngang 7m và dài hết đất là 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 loại đất cây lâu năm và đất ở nông thôn, tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do ông Trương Văn Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện cho hộ, với số tiền là 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Thời hạn cầm cố đất là hai năm khi nào vợ chồng anh Ph chị Ch trả tiền và vàng thì anh M chị U trả lại đất. Việc thỏa thuận này ông Trương Văn Tr có biết và đồng ý. Nhưng thực tế anh M chị U không có nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất nêu trên để canh tác mà vẫn do hộ gia đình ông Tr canh tác và quản lý. Do hết thời hạn hai năm mà vợ chồng anh Ph chị Ch vẫn không trả số tiền và số vàng trên cho anh M chị U. Nay anh M chị U khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất mà hai bên đã lập vào ngày 19/4/2014. Buộc anh Ph chị Ch phải liên đới trả số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K làm một lần ngay khi án có hiệu lực. Nếu anh Ph chị Ch không trả số tiền và vàng trên yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất của hộ ông Trương Văn Tr có diện tích ngang 7m, dài hết đất là 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 loại đất cây lâu năm và đất ở nông thôn tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do ông Trương Văn Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện cho hộ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/1/2018 anh M, chị U yêu cầu ông Trương Văn Tr phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Ph, chị Ch giao phần đất ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282 cho anh chị để bán.

Ngày 23/1/2018 anh M, chị U có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Không yêu cầu ông Trương Văn Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng anh Ph chị Ch và đồng thời không yêu cầu phát mãi tài sản là phần đất cầm cố có diện tích ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282 tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do ông Trương Văn Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay anh M chị U chỉ yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố mà hai bên đã lập bằng giấy tay vào ngày 19/4/2014. Buộc anh Ph chị Ch phải liên đới trả số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 23/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Phan Tấn Ph và chị Trương Thị Ch trình bày: Anh chị thừa nhận có cầm cố phần đất diện tích ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do cha là ông Trương Văn Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện cho hộ với số tiền là 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Phần đất này ông Tr cho vợ chồng chị nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định pháp luật. Từ khi ký hợp đồng cầm cố cho đến nay phía vợ chồng anh chị không có giao đất và giấy tờ đất cho anh M chị U, hiện nay phần đất này những người trong hộ của ông Tr đang canh tác và quản lý. Nay vợ chồng anh chị đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất quyền sử dụng đất mà hai bên đã lập ngày 19/4/2014 âm lịch. Đồng ý trả lại số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K, với phương thức trả dần. Đối với số tiền 301.000.000 đồng xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi hết số tiền thì sẽ trả tiếp vàng mỗi tháng là 2 phân vàng 24K đến khi hết thì thôi.

Riêng đối với việc anh M chị U có đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với ông Trương Văn Tr, vợ chồng anh chị đồng ý vì số tiền này do anh chị nhận nên anh chị trả lại không liên quan đến ông Tr. Đồng ý việc rút yêu cầu phát mãi tài sản là diện tích ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do cha là ông Trương Văn Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2017 của ông Trương Văn Tr và bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông bà có cho vợ chồng anh Ph chị Ch phần đất nêu trên để xây nhà ở chứ không cho bán và cầm cố, việc cho đất cũng chưa có làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị Ch anh Ph lập hợp đồng cầm cố cho anh M chị U vợ chồng ông không hay biết và ông cũng không có viết cam kết và ký tên ở mặt sau của giấy cầm đất. Ông không đồng ý trả nợ thay cho vợ chồng con gái ông và không đồng ý phát mãi phần đất diện tích ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282. Vợ chồng ông đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất mà anh Ph chị Ch đã ký với anh M chị U vào ngày 19/4/2014, vì phần đất này là của gia đình ông hiện đang canh tác và quản lý không có giao cho ai.

* Tại đơn xin vắng mặt ngày 06/12/2017 anh Trương Văn L, chị Trương Thị T, chị Đào Thị Ng trình bày: Đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất, ngoài ra không trình bày ý kiến gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với nguyên đơn, anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 19/4/2014, buộc anh Phan Tấn Ph và chị Trương Thị Ch trả lại cho anh M chị U số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K khi án có hiệu pháp luật là có căn cứ. Anh M chị U có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu ông Trương Văn Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng anh Ph chị Ch; Rút yêu cầu phát mãi tài sản phần đất có diện tích 490m² mà anh Ph chị Ch đã cầm cố cho anh M chị U. Do đó hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 19/4/2014 giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U với anh Phan Tấn Ph và chị Trương Thị Ch là vô hiệu. Anh Ph chị Ch phải trả số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K; Đối với bị đơn, anh Ph chị Ch thừa nhận có ký hợp đồng cầm cố cho anh M chị U phần đất vườn diện tích 490m² (ngang 07m, dài hết đất là 70m) nằm trong sổ thửa 282 diện tích 7.713,2m² mà ông Trương Văn Tr – cha ruột của chị Trương Thị Ch đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Anh Ph chị Ch đồng ý hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 19/4/2014 và đồng ý trả cho anh M chị U số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K nhưng xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng và khi trả xong tiền thì trả mỗi tháng 02 phân vàng 24K cho đến khi đủ 10 chỉ vàng 24K, không được anh M chị U đồng ý.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U, tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 19/4/2014 giữa Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U với anh Phan Tấn Ph và chị Trương Thị Ch là vô hiệu. Buộc anh Ph chị Ch trả cho anh M chị U số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh M chị U, yêu cầu ông Trương Văn Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị anh Ph chị Ch; Đình chỉ giải quyết yêu cầu phát mãi phần đất diện tích 490m² mà anh Ph chị Ch đã cầm cố cho anh M chị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị N, anh Trương Văn L, chị Trương Thị T, chị Đào Thị Ng vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2017 anh M chị U yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất có diện tích ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do ông Trương Văn Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện hộ được lập vào ngày 19/4/2014 giữa anh M ,chị U với vợ chồng anh Ph chị Ch. Buộc vợ chồng anh Ph chị Ch trả lại 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K, nếu vợ chồng anh Ph chị Ch không trả được số tiền và vàng trên, yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất với diện tích nêu trên. Ngày 08/1/2018 anh M chị U có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông

Trương Văn Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bằng cách giao phần đất cầm cố cho anh M chị U bán để trả lại số tiền và vàng cho anh chị. Tuy nhiên tại phiên tòa các bên đương sự khai thống nhất số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K thực tế là tiền mà anh M chị U cho vợ chồng anh Ph chị Ch vay làm nhiều lần để làm ăn, do anh Ph chị Ch làm ăn thất bại không có khả năng trả nợ nên hai bên mới thống nhất lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 19/4/2014 âm lịch. Các bên đều xác định hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất là hợp đồng giả cách che dấu hợp đồng vay tài sản. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng cầm cố và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự” được quy định tại Điều 463, Điều 309, Điều 283 Bộ luật dân sự năm 2015. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, anh M chị U có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trương Văn Tr về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay và rút yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích đất ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do ông Tr đứng tên đại diện cho hộ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh M chị U là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nêu trên.

[4] Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 19/04/2014 các bên đều thừa nhận là hợp đồng giả cách để che dấu hợp đồng vay tài sản. Do đó hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 19/4/2014 bị vô hiệu theo quy định tại các Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ Luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, hai bên đều xác định sau khi ký kết hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất không có chuyển giao tài sản cho nhau nên không cần buộc các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Các bên đều thống nhất hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 19/04/2014. Xét thấy sự thỏa của các bên là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do các bên tự nguyện hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 19/4/2014 và không yêu cầu xem xét yếu tố lỗi dẫn đến giao dịch bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu của anh M chị U, yêu cầu anh Ph chị Ch trả số tiền vay là 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K không yêu cầu trả lãi, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa anh Ph chị Ch đồng ý trả số nợ vay nêu trên nhưng xin trả dần. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Ph chị Ch là không phù hợp pháp luật, kéo dài thời gian trả tiền và vàng gây thiệt hại quyền lợi cho anh M và chị U. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Ph chị Ch trả số tiền 301.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K cho anh M, chị U khi án có hiệu lực pháp luật mới phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh M chị U.

[6] Về án phí : Do yêu cầu của anh M, chị U được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ph, chị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể là:

$$[(10 \text{ chỉ vàng } 24k \times 3.645.000 \text{ đồng/1chỉ}) + 301.000.000 \text{ đồng}] \times 5\% = 16.872.500 \text{ đồng}.$$

Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.645.000 đồng/1 chỉ 24K.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228, Điều 26, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các 463, Điều 466, Điều 357, Điều 283, Điều 309, Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U kiện ông Trương Văn Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Ph chị Ch. Đình chỉ yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích đất ngang 7m và dài 70m nằm trong tổng diện tích đất 7.713,2m² thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại Ấp B, xã MTN, huyện C, tỉnh T do ông Trương Văn Tr đứng tên đại diện cho hộ.

3/ Hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U với vợ chồng anh Phan Tấn Ph, chị Trương Thị Ch lập ngày 19/4/2014.

4/ Buộc anh Phan Tấn Ph, chị Trương Thị Ch có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U số tiền 301.000.000 đồng (ba trăm lẻ một triệu đồng và 10 (M) chỉ vàng 24K. Thời gian trả thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí: anh Phan Tấn Ph chỉ Trương Thị Ch phải chịu 16.872.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị U 600.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 15013 ngày 23/11/2017 và số 15151 ngày 08/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THA DS huyện Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Phan Minh Trâm